

**Phán quyết của
Tòa trọng tài
thường trực La Haye
về giải quyết tranh
chấp biển đảo
và bài học
kinh nghiệm cho
Việt Nam**



BÀN QUỐC TUẤN

*Đại học Kinh tế - Luật,
Đại học Quốc gia TP. HCM*

Trên cơ sở tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tòa trọng tài thường trực La Haye, tác giả đã phân tích làm rõ vai trò của Tòa với tư cách là một trong những cơ quan giải quyết tranh chấp quốc tế được thành lập sớm nhất trong lịch sử thế giới hiện đại. Bên cạnh đó, việc đi sâu phân tích phán quyết của Tòa trọng tài thường trực La Haye giải quyết tranh chấp chủ quyền đảo Palmas giữa Hà Lan và Mỹ, tác giả đã rút ra những bài học kinh nghiệm cho VN trong quá trình giải quyết tranh chấp chủ quyền biển đảo tại biển Đông.

Từ khóa: Tòa trọng tài thường trực La Haye, PCA, tranh chấp chủ quyền, biển Đông.

1. Lịch sử hình thành và phát triển của Tòa trọng tài thường trực La Haye

Trong việc giải quyết các tranh chấp quốc tế giữa các quốc gia, đặc biệt là tranh chấp liên quan đến chủ quyền lãnh thổ, thì Trọng tài là một trong những cơ chế thường xuyên được sử dụng bởi những ưu điểm của phương thức này. Trong quan hệ giữa các nước ở vùng Tây Nam Á, ở Trung Quốc, ở Ấn Độ từ xa xưa đã có ý tưởng về việc sử dụng một bên thứ ba làm trung gian giải quyết các tranh chấp giữa các quốc gia với nhau hoặc giữa các chủ thể trong nội bộ quốc gia với nhau. Tuy nhiên, châu Âu mới là nơi ý tưởng này hình thành và phát triển một cách mạnh mẽ nhất. Hình mẫu trọng tài hiện đại được ghi nhận lần đầu tiên trong Hiệp ước Jay ngày 19/11/1794 giữa Mỹ và Anh, quy định thành lập ba Ủy ban để giải quyết các vấn đề liên quan giữa hai nước sau cuộc chiến tranh giành độc lập của Mỹ. Năm 1872, Mỹ và Anh trên cơ sở Hiệp ước Washington năm 1871 đã dựa vào biện pháp trọng tài để giải quyết vụ Alabama, trong đó Mỹ kiện Anh vi phạm vai trò trung lập

của mình trong cuộc chiến tranh ly khai ở Mỹ. Tòa trọng tài gồm năm trọng tài viên do người đứng đầu các nước Anh, Mỹ, Brazil, Ý và Thụy Sĩ lựa chọn. Tòa trọng tài đã kết luận cho Mỹ thắng kiện và nước Anh phải trả một khoản bồi thường cho những hoạt động trái pháp luật của mình. Ưu điểm của phương thức trọng tài quốc tế trong việc giải quyết các tranh chấp dần dần được các nước ghi nhận¹.

Ý tưởng tổ chức Hội nghị hòa bình nhằm tìm kiếm các giải pháp giải quyết các xung đột giữa các quốc gia mà không cần phải sử dụng lực lượng quân sự đã được Sa hoàng Nicholas II đưa ra ngày 29/8/1898 và ngày 18/5/1899 Hội nghị hòa bình lần thứ nhất đã nhóm họp tại La Haye (viết theo tiếng Pháp, Hague viết theo tiếng Anh, Den Haag theo tiếng Hà Lan) của Hà Lan dưới sự chủ trì của Sa hoàng Nicholas II và ông Mikhail Nikolayevich Muravyov, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nga. Có 26 quốc gia đã tham dự hội nghị bao gồm các nhà lãnh đạo của Bắc Mỹ và Nam Mỹ, vua Nam Tư,

¹ PGS.TS. Nguyễn Hồng Thao - Tòa án công lý quốc tế - Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.20.

hoàng đế của đế quốc Ottoman, quốc vương Thái Lan, đại diện của Thanh triều (Trung Quốc), ... Hội nghị hòa bình La Haye lần thứ nhất đã thảo luận về rất nhiều vấn đề liên quan đến chiến tranh cũng như giải quyết các xung đột giữa các quốc gia. Kết quả sau cùng của Hội nghị là sự ra đời của Công ước La Haye 1899 (còn được gọi là Công ước La Haye I). Công ước La Haye được ký kết vào ngày 29/7/1899 và bắt đầu có hiệu lực vào ngày 04/9/1900. Nội dung cơ bản của Công ước La Haye năm 1899 tập trung vào vấn đề giải quyết các tranh chấp quốc tế thông qua phương thức hòa bình. Một trong những nội dung cơ bản của công ước là quy định về việc thành lập Tòa trọng tài thường trực với tư cách là một thiết chế quốc tế giúp các quốc gia có thể giải quyết các tranh chấp của mình theo phương thức hòa bình². Trên cơ sở của Công ước La Haye 1899, Tòa trọng tài thường trực đã được thành lập vào năm 1900, đặt trụ sở chính tại Cung điện Hòa Bình, thành phố La Haye của Hà Lan và bắt đầu đi vào hoạt động từ năm 1902. Tuy nhiên, một thời gian sau đó quy chế hoạt động của Tòa trọng tài thường trực La Haye đã bắt đầu bộc lộ nhiều hạn chế cần phải điều chỉnh. Xuất phát từ yêu cầu này, Hội nghị hòa bình lần 2 đã được nhóm họp từ ngày 15 đến ngày 18/10/1907. Kết quả cuối cùng của hội nghị đã đưa đến việc ký kết Công ước La Haye 1907 (còn gọi là Công ước La Haye II). Công ước La Haye 1907 sửa đổi một số nội dung của Công ước La Haye 1899 đồng thời cũng bổ sung rất nhiều nội dung mới so với Công ước La Haye 1899³. Nhìn

chung, Công ước La Haye 1907 chủ yếu tập trung quy định cụ thể về thủ tục tố tụng trọng tài, đặc biệt là những quy định về thẩm quyền của Tòa trọng tài thường trực (Điều 42); trình tự, thủ tục chọn trọng tài viên (Điều 44 – Điều 46); và quan trọng nhất là trình tự, thủ tục để Tòa trọng tài giải quyết một tranh chấp cụ thể (Điều 51 – Điều 85), bổ sung thêm thủ tục tố tụng trọng tài rút gọn (Điều 86 – Điều 90). Những quy định của Công ước La Haye đã góp phần hoàn thiện quy chế tổ chức và hoạt động của Tòa trọng tài thường trực, góp phần quan trọng vào sự phát triển của Tòa trọng tài ở những giai đoạn sau này.

Trong khoảng thời gian giữa hai Hội nghị hòa bình lần 1 và lần 2 (1900 – 1907) nhìn chung Tòa trọng tài thường trực La Haye chưa có nhiều đóng góp trong việc giải quyết các tranh chấp quốc tế, vai trò của Tòa trọng tài thường trực La Haye chưa được thể hiện tương xứng với những gì các quốc gia mong muốn khi thành lập, số lượng thành viên của Tòa cũng không thay đổi nhiều so với lúc mới thành lập. Nguyên nhân là quy chế hoạt động của Tòa chưa thật sự phù hợp, nhiều quốc gia cũng chưa có thói quen sử dụng Tòa như một cách thức giải quyết các tranh chấp mâu thuẫn và, quan trọng nhất, phần lớn các quốc gia trên thế giới giai đoạn này đều là thuộc địa hoặc phụ thuộc vào các nước tư bản chủ nghĩa Tây Âu, chỉ có một số nước ở các châu lục khác giữ vững được chủ quyền của quốc gia mình (Nhật Bản, Thái Lan, ...). Sau Hội nghị hòa bình lần 2 (1907) quy chế hoạt động, thủ tục tố tụng của Tòa trọng tài thường trực La Haye đã

được hoàn thiện hơn, cơ chế hoạt động của Tòa cũng hiệu quả hơn. Chính vì vậy, Tòa trọng tài thường trực La Haye đã có những bước phát triển mạnh mẽ trong việc thực hiện chức năng giải quyết các tranh chấp quốc tế. Điều này được khẳng định qua số lượng thành viên tham gia và số lượng vụ việc mà Tòa giải quyết. Cụ thể như sau: Tổng số thành viên 42 (trong đó phần lớn gia nhập sau Hội nghị hòa bình lần 2 năm 1907). Phân bố theo châu lục: châu Âu: 18 quốc gia; châu Mỹ: 19 quốc gia; châu Á: 5 quốc gia; châu Phi và châu Đại dương: không có quốc gia nào⁴. Cũng trong giai đoạn này Tòa trọng tài thường trực La Haye đã giải quyết được 17 vụ tranh chấp (13 vụ giải quyết sau Công ước La Haye 1907), trong đó có những vụ tranh chấp nổi tiếng như vụ Nga kiện Thổ Nhĩ Kỳ về bồi thường thiệt hại (1912), vụ tịch biên Manouba và Carthade giữa Pháp và Italia (1913), vụ tranh chấp giữa Hà Lan và Bồ Đào Nha đối với biên giới trên đảo Timor (1914), vụ tranh chấp chủ quyền giữa Hà Lan và Mỹ đối với đảo Palmas (1928). Các phán quyết của Tòa trọng tài thường trực La Haye đã góp phần giải thích một số nguyên tắc cơ bản trong giải quyết tranh chấp về lãnh thổ, đặc biệt là tranh chấp về biên giới (điển hình là vụ tranh chấp chủ quyền giữa Hà Lan và Mỹ đối với đảo Palmas).

Giữa thập niên 30 của thế kỷ XX, những dấu hiệu của một cuộc chiến tranh thế giới thứ hai ngày càng rõ ràng nhưng các thiết chế quốc tế hiện có đã hoàn toàn bất lực trong việc ngăn chặn cuộc chiến tranh này. Sau chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945) một lần nữa yêu cầu về một thiết chế quốc tế đủ khả năng ngăn chặn các mâu thuẫn,

2 Xem *Convention for the pacific settlement of international dispute 1899*. Nguồn: http://pca-cpa.org/showpage.asp?pag_id=1187.

3 Xem *Convention for the pacific settlement of*

international dispute 1907. Nguồn: http://pca-cpa.org/showpage.asp?pag_id=1187.

4 Nguồn: www.PCA-CPA.org.

xung đột giữa các quốc gia phát triển thành các cuộc chiến tranh càng trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Ngày 25/6/1945 Hiến chương Liên Hiệp Quốc được thông qua và bắt đầu có hiệu lực chính thức từ ngày 24/10/1945. Cùng với việc thông qua Hiến chương Liên Hiệp Quốc, quy chế của Tòa án công lý quốc tế (International Court of Justice – ICJ) cũng được thông qua và Tòa án công lý quốc tế, cơ quan pháp lý chính của Liên Hiệp Quốc, đã được khai sinh, “mở ra một chương mới trong lịch sử tài phán quốc tế”⁵. Ngày 05/02/1946 Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc đã tiến hành bầu chọn các thẩm phán của Tòa án công lý quốc tế và Tòa chính thức đi vào hoạt động từ ngày 06/02/1946, trở thành cơ quan tài phán chính của Liên Hiệp Quốc cho đến ngày nay. Sau khi Tòa án công lý quốc tế đi vào hoạt động, Tòa trọng tài thường trực La Haye vẫn tiếp tục có những bước phát triển mạnh mẽ cả về chất lượng lẫn quy mô, trở thành một thiết chế tài phán quốc tế quan trọng tồn tại song song với Tòa án công lý quốc tế. Sự phát triển của Tòa trọng tài thường trực La Haye trước hết thể hiện ở số lượng các quốc gia tham gia Công ước La Haye 1899 và Công ước La Haye không ngừng tăng lên. Đến thời điểm hiện tại có 115 quốc gia là thành viên của một hoặc cả hai công ước, phân bố như sau: châu Âu: 38 quốc gia; châu Mỹ: 23 quốc gia; châu Á: 30 quốc gia; châu Phi: 22 quốc gia; châu Đại dương: 02 quốc gia⁶. Như vậy, các châu lục đều có quốc gia tham gia và gần như các nước lớn trên thế giới đều đã là thành viên của Tòa trọng tài (Anh, Pháp, Mỹ, Nga, Trung Quốc, ...). VN là một trong những thành viên mới nhất

5 PGS. TS. Nguyễn Hồng Thao, *Sđđ*, tr.29.

6 Nguồn: www.PCA-CPA.org.

của Tòa (gia nhập Công ước La Haye 1899 vào ngày 29/12/2011 và Công ước La Haye 1907 vào ngày 27/02/2012). Sự phát triển của Tòa trọng tài thường trực còn thể hiện ở số lượng vụ việc mà Tòa đã và đang giải quyết. Trong giai đoạn từ năm 1946 đến nay Tòa trọng tài, áp dụng quy tắc tố tụng trọng tài được quy định tại Công ước La Haye 1899 và Công ước La Haye 1907, đã giải quyết xong 24 vụ tranh chấp và đang giải quyết 12 vụ, trong đó có những vụ quan trọng liên quan đến tranh chấp lãnh thổ quốc gia như vụ tranh chấp quần đảo Hanish giữa Eritrea và Yemen (năm 1998 và 1999), vụ tranh chấp chủ quyền các đảo xung quanh eo biển Malacca giữa Singapore và Malaysia (năm 2003), vụ tranh chấp biên giới trên biển giữa Barbados và Trinidad & Tobago (năm 2006), ... Ngoài ra, Tòa trọng tài còn tham gia nhiều vụ việc khác với tư cách là bên trung gian hòa giải, là cơ quan đăng ký vụ việc, ... Những vụ việc Tòa trọng tài giải quyết đã góp phần đáng kể vào việc ngăn chặn các cuộc xung đột giữa các quốc gia, đặc biệt là tranh chấp liên quan đến lãnh thổ. Các phán quyết của Tòa cũng đóng góp đáng kể cho việc giải thích pháp luật quốc tế, áp dụng các quy phạm của pháp luật quốc tế vào từng trường hợp cụ thể, đặc biệt là các quy định của Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật biển năm 1982 (UNCLOS).

2. Phán quyết của Tòa trọng tài thường trực La Haye giải quyết tranh chấp chủ quyền đảo Palmas giữa Hà Lan và Mỹ (1928)

2.1 Yêu sách của các bên tham gia tranh chấp

Đảo Palmas (ngày nay còn được biết đến với tên gọi khác

là đảo Pula Miangas, là một bộ phận của lãnh thổ nước Cộng hòa Indonesia) là một hòn đảo nhỏ, ít có giá trị về mặt kinh tế hoặc vị trí chiến lược. Hòn đảo có chiều dài khoảng 2 dặm (mile) và chiều rộng khoảng ¾ dặm, với số lượng dân cư khoảng 750 người vào thời điểm phán quyết của Tòa trọng tài thường trực La Haye được tuyên. Vị trí đảo Palmas ở giữa đảo Mindanao của lãnh thổ Philippines và một đảo phía cực Bắc có tên là Nanusa, là một đảo đã được phát hiện bởi Công ty Đông Ấn (East Indies Company) của Hà Lan. Năm 1898 nước Tây Ban Nha đã nhượng lại đảo Palmas cho Philippines (lúc này là thuộc địa của Mỹ) bằng Công ước Paris năm 1898⁷. Từ thời điểm đó, Mỹ đặt đảo Palmas nằm bên trong đường biên giới của Philippines, thuộc địa của Mỹ. Đến năm 1906 Mỹ nhận ra rằng Hà Lan cũng đã thiết lập chủ quyền đối với đảo Palmas, tranh chấp phát sinh và hai bên đã đồng ý đưa vụ việc ra giải quyết tại Tòa trọng tài thường trực La Haye. Vào ngày 23/01/1925 Chính phủ Hà Lan và Chính phủ Mỹ đã ký kết thỏa thuận để chính thức hóa việc đưa vụ việc ra giải quyết tại Tòa trọng tài thường trực La Haye (The Special Agreement of January 23rd, 1925⁸). Văn bản phê chuẩn việc thỏa thuận được trao đổi tại Washington vào ngày 01/4/1925. Văn bản thỏa thuận được đăng ký trong League of Nations Treaty Series vào ngày 19/5/1925. Hội đồng trọng tài giải quyết vụ việc chỉ bao gồm một trọng tài viên duy nhất là ông Max Huber, quốc

7 Công ước Paris năm 1898 là Công ước ký giữa Mỹ và Tây Ban Nha để chấm dứt cuộc chiến tranh Mỹ - Tây Ban Nha. Theo Công ước, Tây Ban Nha phải trao nhượng toàn bộ thuộc địa Philippines cho Mỹ. Xem Nguyễn Quang Thắng - Hoàng Sa, Trường Sa, lãnh thổ VN nhìn từ Công pháp quốc tế - Nhà xuất bản Trí Thức, 2008, tr.216.

8 Xem toàn văn văn bản tại http://pca-cpa.org/showpage.asp?pag_id=1029.



tịch Thụy Sĩ, ông Michiels van Verduynen là Tổng thư ký.

Cả Mỹ và Hà Lan trong vụ tranh chấp này đều đưa ra yêu sách công nhận chủ quyền của mình đối với đảo Palmas. Đối với Mỹ, yêu sách chủ quyền đối với đảo Palmas được đưa ra trên cơ sở chủ quyền của Tây Ban Nha là chủ thể đầu tiên phát hiện ra đảo Palmas. Đối với Hà Lan, yêu sách chủ quyền đối với đảo Palmas được đưa ra dựa trên sự chiếm hữu liên tục cũng như sự thể hiện chủ quyền trên thực tế đối với đảo Palmas. Vấn đề pháp lý quan trọng liên quan đến vụ việc phải trả lời là có hay không việc thiết lập quyền sở hữu đối với một vùng lãnh thổ bởi người phát hiện ra nó đầu tiên, thậm chí ngay cả khi họ không thực hiện chủ quyền thực tế của mình trên vùng lãnh thổ đó hoặc một vùng lãnh thổ có thuộc về chủ quyền của quốc gia chiếm hữu thực tế vùng lãnh thổ đó hay không.

Trọng tài viên Max Huber, một luật sư người Thụy Sĩ, đã giải quyết theo hướng có lợi cho Hà Lan và lập luận rằng Hà Lan đã thực hiện chủ quyền thực tế đối với đảo Palmas.

Lập luận của ông được đưa ra dựa trên các cơ sở mà các bên tranh chấp đưa ra như sau:

- Phải là người phát hiện ra đầu tiên: Trong lần tranh luận đầu tiên giữa 02 bên Mỹ lập luận rằng Mỹ là nước có chủ quyền đối với đảo Palmas bởi lẽ Tây Ban Nha đã được nhượng lại chủ quyền đối với lãnh thổ của Philippines cho Mỹ bằng Hiệp định Paris ngày 10/12/1898 (trong đó có đảo Palmas) vì Tây Ban Nha là chủ thể đầu tiên phát hiện ra đảo Palmas. Theo Mỹ, chủ quyền đối với một vùng lãnh thổ không được thiết lập đơn giản bởi hành vi vẽ bản đồ mà phải thông qua một Công ước và Mỹ đã viện dẫn Công ước Munster (Treaty of Munster) ngày 30/01/1648 giữa Tây Ban Nha và Hà Lan. Công ước Munster năm 1648 có nội dung tuyên bố hòa bình giữa Tây Ban Nha và Hà Lan. Theo Mỹ, tại Điều V Công ước có quan hệ tới vấn đề lãnh thổ giữa Tây Ban Nha và Công ty Đông Ấn của Hà Lan. Như vậy, đảo Palmas là một phần của lãnh thổ Philippines và Mỹ đã chiếm giữ Philippines sau chiến thắng trong cuộc chiến tranh với

Tây Ban Nha năm 1896. Như vậy, Mỹ đã thực hiện quyền chiếm hữu của người phát hiện đầu tiên thông qua sự chuyển nhượng quyền sở hữu hợp pháp từ Tây Ban Nha. Trọng tài viên cũng đã đồng ý rằng không có quy định nào của pháp luật quốc tế hiện đại không công nhận việc chuyển giao lãnh thổ qua chuyển nhượng.

Tuy nhiên, trọng tài viên đã lưu ý rằng Tây Ban Nha không thể chuyển giao một cách hợp pháp vùng lãnh thổ mà họ không phải là người sở hữu hợp pháp và như vậy Hiệp định Paris không thể chuyển giao đảo Palmas cho Mỹ một cách hợp pháp nếu Tây Ban Nha không thực hiện quyền của người chiếm hữu nó trên thực tế. Trọng tài viên đã kết luận rằng Tây Ban Nha đã là người có quyền sở hữu đối với đảo Palmas ngay khi Tây Ban Nha phát hiện ra đảo. Tuy nhiên, trọng tài viên cũng lưu ý rằng để duy trì chủ quyền của mình đối với vùng lãnh thổ đã phát hiện ra, quốc gia đó phải duy trì liên tục trên thực tế quyền lực của mình đối với vùng lãnh thổ đó, thậm chí chỉ bằng một hành động đơn giản như cắm quốc kỳ trên bãi biển của hòn đảo đó. Trong trường hợp này Tây Ban Nha đã không thực hiện chủ quyền của mình trên thực tế đối với đảo Palmas sau khi Tây Ban Nha phát hiện ra đảo. Chính vì vậy, lập luận của Mỹ đối với vụ kiện về việc Mỹ có chủ quyền đối với đảo Palmas vì là chủ thể phát hiện ra đầu tiên đã dựa trên một cơ sở pháp lý tương đối yếu.

- Phải có sự tiếp giáp: Mỹ cũng đưa ra lập luận rằng đảo Palmas là một phần của lãnh thổ tiếp giáp với đất liền của lãnh thổ Philippines là thuộc địa của Mỹ bởi lẽ nó gần lãnh thổ của Philippines hơn là lãnh thổ

của Indonesia, là lãnh thổ thuộc địa của Hà Lan. Trọng tài viên đã lập luận rằng không có bất kỳ quy định nào của pháp luật quốc tế là cơ sở cho lập luận của Mỹ bởi lẽ vị trí của đảo không phải là cơ sở quyết định chủ quyền của đảo thuộc về quốc gia nào. Trọng tài viên cũng cho rằng nếu chỉ dựa vào vị trí thì không đủ cơ sở pháp lý để tiến hành một vụ kiện đòi chủ quyền đối với một vùng đất. Nếu cộng đồng quốc tế đi theo hướng lập luận của Mỹ nó sẽ dẫn đến những kết quả giải quyết tùy tiện và không có cơ sở pháp lý.

- Phải thể hiện chủ quyền một cách liên tục và công khai: Quan điểm đầu tiên mà Hà Lan đưa ra là Hà Lan là chủ thể có chủ quyền đối với đảo Palmas bởi lẽ từ năm 1677 Hà Lan đã thực hiện quyền chiếm hữu trên thực tế đối với đảo Palmas. Theo Hà Lan, đảo Palmas và các đảo Nanusa, đảo Talauer, gọi chung là các đảo Talaud (Talaud Islands) trước đó thuộc về nhà nước Tabukan. Như vậy, nhà nước địa phương Tabukan mới là chủ thể chiếm hữu trực tiếp trên thực tế đảo Palmas chứ không phải Tây Ban Nha dù Tây Ban Nha đã phát hiện ra đảo Palmas. Hà Lan cũng cho rằng dựa vào Công ước Munster năm 1648, năm 1677 Hà Lan đã đạt được thỏa thuận với nhà nước Tabukan về việc Hà Lan sẽ quản lý, kiểm soát đảo Palmas thông qua một hiệp định giữa Công ty Đông Ấn với nhà nước Tabukan, theo đó một yêu cầu đặt ra đối với những người theo đạo Tin lành và từ chối quyền kiểm soát của các quốc gia khác đối với hòn đảo. Như vậy, Hà Lan đã chứng minh được rằng Công ty Đông Ấn đã thực hiện quyền kiểm soát đối với đảo Palmas từ thế kỷ XVII. Trong

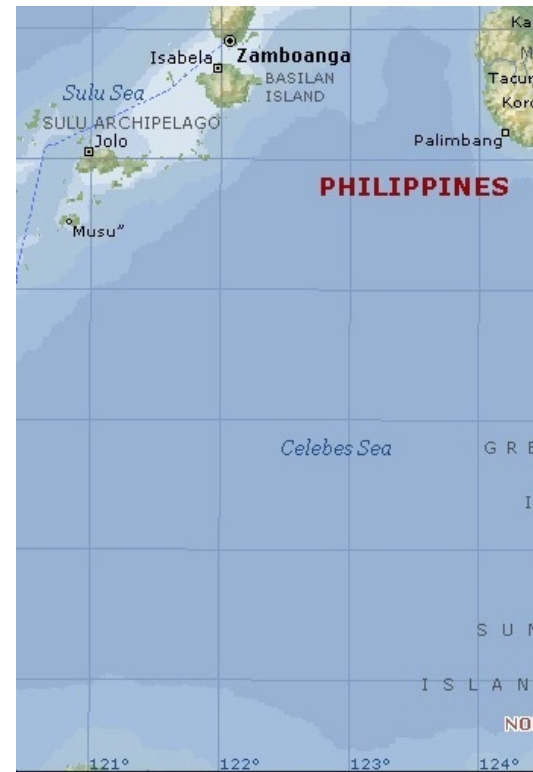
khí đó, Mỹ đã không thể đưa ra được các bằng chứng chứng minh rằng Tây Ban Nha đã thực hiện chủ quyền đối với đảo Palmas ngoài trừ những văn bản cụ thể thể hiện việc Tây Ban Nha đã phát hiện ra hòn đảo. Ngoài ra, cũng không có bất cứ bằng chứng nào chứng minh rằng đảo Palmas chịu sự quản lý hành chính hoặc là một đơn vị hành chính của chính quyền Tây Ban Nha ở Philippines.

Trọng tài viên đã chấp nhận lập luận của Hà Lan và cho rằng nếu Tây Ban Nha cũng đã thực hiện chủ quyền đối với đảo Palmas thì tất yếu đã phải xảy ra xung đột giữa Hà Lan và Tây Ban Nha về chủ quyền đối với đảo nhưng thực tế không có bằng chứng nào cho thấy đã có sự xung đột như thế xảy ra. Như vậy, cho đến khi vụ kiện xảy ra, Hà Lan đã thực hiện chủ quyền của mình đối với đảo Palmas một cách liên tục và công khai mà không có sự phản đối của bất kỳ quốc gia hay chủ thể nào khác, kể cả của Tây Ban Nha.

2.2. Nội dung phán quyết của Hội đồng trọng tài

Trên cơ sở yêu sách của hai bên, các chứng cứ pháp lý mà các bên đưa ra cũng như lập luận của các bên nhằm bảo vệ yêu sách của mình cũng như căn cứ vào quy định của pháp luật quốc tế, ngày 04/4/1928 Hội đồng trọng tài đã đưa ra phán quyết với nội dung như sau⁹:

- Một quốc gia không thể chuyển giao một vùng lãnh thổ cho quốc gia khác khi quốc gia đó không có quyền sở hữu hợp pháp đối với vùng lãnh thổ chuyển giao. Như vậy, Tây Ban Nha không thể chuyển giao một cách hợp pháp đảo Palmas cho Mỹ nếu Tây Ban



Nha không phải là chủ thể sở hữu đảo Palmas thông qua việc thực hiện quyền của người chiếm hữu nó trên thực tế. Tây Ban Nha đã là người có quyền sở hữu đối với đảo Palmas ngay khi Tây Ban Nha phát hiện ra đảo. Tuy nhiên, Tây Ban Nha đã không thực hiện chủ quyền của mình trên thực tế đối với đảo Palmas sau khi Tây Ban Nha phát hiện ra đảo và vì vậy, Tây Ban Nha chưa thiết lập chủ quyền của mình đối với đảo Palmas trên thực tế. Chính vì vậy, lập luận của Mỹ đối với vụ kiện về việc Mỹ có chủ quyền đối với đảo Palmas trên cơ sở thừa hưởng quyền của chủ thể phát hiện ra đầu tiên đảo Palmas của Tây Ban Nha là không có cơ sở.

- Không có bất kỳ quy định nào của pháp luật quốc tế cho rằng vị trí của một hòn đảo gần với đất liền của quốc gia nào thì hòn đảo thuộc chủ quyền của quốc gia đó. Như vậy, lập luận của Mỹ cho rằng đảo Palmas thuộc chủ quyền của

⁹ Xem Arbitration Agreement between United State of America and The Netherlands, 4th day of April, 1928 (Nguồn: http://pca-cpa.org/showpage.asp?pag_id=1029).



Bản đồ vị trí của đảo Palmas (Nguồn: www.PCA-CPA.org)

Philippines chứ không phải Hà Lan bởi lẽ vị trí của đảo gần lãnh thổ Philippines hơn là lãnh thổ của Hà Lan là không có cơ sở pháp lý.

- Một quốc gia dù không phải là chủ thể đầu tiên phát hiện ra một vùng lãnh thổ nhưng vẫn có cơ sở tuyên bố và thiết lập chủ quyền đối với vùng lãnh thổ đó nếu đã thực hiện quyền chiếm hữu vùng lãnh thổ trên thực tế một cách công khai, liên tục mà không gặp phải sự phản đối hoặc tranh chấp của bất kỳ quốc gia hay chủ thể nào khác. Như vậy, Hà Lan dù không phải là chủ thể đầu tiên phát hiện ra đảo Palmas nhưng đã thực hiện quyền kiểm soát đối với đảo Palmas một cách công khai, liên tục mà không có sự phản đối của Tây Ban Nha hay bất kỳ quốc gia nào khác.

Trên cơ sở các lý lẽ này, phán quyết của Tòa trọng tài thường trực La Haye kết luận như sau: Mỹ

không có đủ các bằng chứng chứng minh rằng Tây Ban Nha là chủ thể đã thực hiện chủ quyền thực tế đối với đảo Palmas mặc dù Tây Ban Nha là quốc gia phát hiện ra đảo Palmas. Trong khi đó, Hà Lan có đủ các bằng chứng cho thấy Hà Lan là chủ thể đã thực hiện chủ quyền trên thực tế đối với đảo Palmas và việc thực hiện chủ quyền này đã diễn ra một cách liên tục, công khai mà không có sự phản đối của Tây Ban Nha hay chủ thể nào khác. Vì vậy, Tây Ban Nha không phải là quốc gia có chủ quyền đối với đảo Palmas, do vậy, việc Tây Ban Nha nhượng quyền sở hữu đảo Palmas cho Mỹ không đủ cơ sở để Mỹ thiết lập chủ quyền đối với hòn đảo. Phán quyết của Tòa trọng tài thường trực La Haye đã tuyên đảo Palmas thuộc chủ quyền của Hà Lan. Sau khi Hà Lan trao trả độc lập cho Indonesia thì chủ quyền đối với đảo Palmas cũng chuyển giao cho Indonesia. Vì vậy, ngày nay đảo Palmas là một phần lãnh thổ của nước Cộng hòa Indonesia.

3. Bài học kinh nghiệm cho VN

3.1. Những vấn đề về mặt pháp lý của vụ việc

Từ phán quyết của Tòa trọng tài thường trực La Haye đối với vụ tranh chấp đảo Palmas giữa Hà Lan và Mỹ chúng ta có thể rút ra

mấy vấn đề pháp lý quan trọng liên quan đến tranh chấp biển đảo sau đây:

Thứ nhất, vị trí địa lý của đảo hoàn toàn không phải là cơ sở pháp lý theo pháp luật quốc tế để khẳng định chủ quyền của một quốc gia đối với hòn đảo đó cho dù đó là quốc gia có vị trí gần nhất với hòn đảo so với các quốc gia khác tham gia tranh chấp. Điều này có nghĩa là có những quốc gia có bờ biển rất xa so với vị trí của đảo nhưng hoàn toàn có chủ quyền đối với đảo nếu như có đầy đủ các cơ sở pháp lý chứng minh chủ quyền của mình.

Thứ hai, việc một quốc gia là chủ thể đầu tiên phát hiện ra hòn đảo chỉ có ý nghĩa là cơ sở ban đầu để xem xét chủ quyền của quốc gia đó đối với hòn đảo. Điều này có nghĩa là khi một quốc gia là chủ thể đầu tiên phát hiện ra đảo thì có cơ sở ban đầu cho rằng quốc gia đó có chủ quyền đối với đảo. Tuy nhiên, chủ quyền của quốc gia đối với đảo còn phải được chứng minh bằng các cơ sở pháp lý khác.

Thứ ba, nếu một quốc gia không phải là chủ thể đầu tiên phát hiện ra hòn đảo nhưng đã thực hiện chủ quyền trên thực tế đối với đảo và tuyên bố chủ quyền một cách công khai, liên tục mà không có sự phản đối từ quốc gia phát hiện đầu tiên cũng như các chủ thể khác thì có sẽ có cơ sở để kết luận hòn đảo đó thuộc về chủ quyền của quốc gia thực hiện quyền chiếm hữu thực tế hơn là thuộc chủ quyền của quốc gia phát hiện đầu tiên.

3.2. Ý nghĩa của phán quyết đối với quá trình giải quyết tranh chấp biển đảo của VN

VN là một quốc gia có biển đảo và cũng đang trong tình trạng tranh chấp chủ quyền biển đảo với các quốc gia khác. Để có cơ sở pháp



lý vững chắc nhằm khẳng định chủ quyền của VN đối với các quần đảo đang có tranh chấp chủ quyền, cần chú ý một số vấn đề sau đây được rút ra từ phán quyết Tòa trọng tài thường trực La Haye:

Thứ nhất, những chứng cứ có giá trị lịch sử đã được hình thành trong các giai đoạn lịch sử trước đó có liên quan đến tranh chấp sẽ là một trong những cơ sở pháp lý quan trọng để chứng minh yêu sách chủ quyền của VN. Trong vụ tranh chấp chủ quyền đảo Palmas giữa Hà Lan và Mỹ, Hà Lan đã thành công trong việc chứng minh chủ quyền của mình bằng các chứng cứ lịch sử mà Mỹ không thể bác bỏ được. VN có chủ quyền không thể chối cãi đối với các quần đảo trên biển Đông. Tuy nhiên, để thuyết phục được cộng đồng quốc tế tin và nhận thấy rằng lý lẽ của VN là có cơ sở chúng ta cần phải chứng minh cho thế giới thấy chúng ta có đầy đủ các bằng chứng lịch sử đối với chủ quyền biển đảo này. Điều này càng có ý nghĩa quan trọng đối với những tranh chấp song phương mà chủ thể tranh chấp với VN không có đủ lý lẽ nhưng lại có thừa sức mạnh quân sự thì những

minh chứng lịch sử này sẽ có giá trị thuyết phục cộng đồng quốc tế đứng về phía VN, gia tăng sức mạnh cho VN, để VN không lè loi trong tranh chấp biển Đông, điều mà chủ thể đối diện với VN luôn mong muốn trong giải quyết tranh chấp song phương với VN về chủ quyền của quần đảo Hoàng Sa. VN cần có những công trình nghiên cứu một cách tập trung, thống kê, phân tích, đánh giá toàn bộ các chứng cứ lịch sử để làm chứng cứ pháp lý sử dụng trong trường hợp cần thiết. Những chứng cứ lịch sử này cần được sự thừa nhận chính thức từ cơ quan có thẩm quyền của nhà nước VN chứ không chỉ là những công trình mang tính chất khoa học hàn lâm, cá nhân và quan trọng hơn, VN cần thường xuyên, liên tục công bố các chứng cứ lịch sử này trên các phương tiện thông tin trong nước cũng như quốc tế. Điều mà Trung Quốc đang làm và cố gắng làm để áp đặt quan điểm chủ quyền của mình đối với khu vực biển Đông.

Thứ hai, thực hiện việc chiếm hữu có hiệu quả và thể hiện chủ quyền của mình trên thực tế một cách công khai, thường xuyên,

liên tục đối với những đảo đang nằm dưới sự kiểm soát của VN. Để khẳng định chủ quyền đối với các vùng biển đảo tranh chấp, VN cần đẩy mạnh các hoạt động thăm dò, khai thác tài nguyên, khoáng sản cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho ngư dân đánh bắt cá, bảo vệ ngư dân trong trường hợp có sự uy hiếp, đe dọa của nước ngoài. Và xa hơn, cần tăng cường cấp phép cho các công ty nước ngoài vào khai thác tài nguyên trên vùng biển của VN trên nguyên tắc đôi bên cùng có lợi (như VN hiện đang làm). Những hoạt động này một mặt mang lại lợi ích kinh tế, mặt khác còn là cơ sở khẳng định việc thực hiện chủ quyền trên thực tế của VN đối với vùng lãnh thổ thuộc chủ quyền của VN. Mặt khác, VN cần kiên quyết phản đối, ngăn chặn các hoạt động khai thác tài nguyên, xây dựng các công trình cũng như tổ chức các hoạt động khác của các nước không có chủ quyền đối với vùng biển đảo của VN.

Thứ ba, thường xuyên, liên tục khẳng định chủ quyền đối với những đảo và vùng biển thuộc chủ quyền của VN nhưng đang chịu sự kiểm soát của quốc gia khác. Tình

hình thực tế mà chúng ta phải nhìn nhận là trong một thời gian tương đối dài cho đến tận ngày nay các quần đảo mà VN tuyên bố chủ quyền đang nằm dưới quyền kiểm soát thực tế của quốc gia khác. Mặc dù về mặt pháp luật quốc tế, hành vi chiếm đóng bằng lực lượng quân sự không đồng nghĩa với việc xác lập chủ quyền cho dù thời gian chiếm đóng kéo dài trong bao lâu. Tuy nhiên, trong pháp luật quốc tế tồn tại thuyết chiếm hữu có hiệu quả. Nội dung của thuyết này theo luật quốc tế hiện đại là đối với các vùng đất (chủ yếu là các hòn đảo) quốc gia nào có đầy đủ chứng cứ thuyết phục nhất về việc mình chứ không phải ai khác là người chiếm hữu có hiệu quả vùng đất đó thì vùng đất đó được coi là vùng lãnh thổ của quốc gia trên. Như vậy, việc các vùng lãnh thổ của VN nằm dưới quyền kiểm soát thực tế của quốc gia khác trong một thời gian dài mà VN không có bất cứ động thái nào thì điều này đồng nghĩa với việc công nhận sự chiếm hữu có hiệu quả của quốc gia kia đối với vùng lãnh thổ của VN.

Thứ tư, thường xuyên, liên tục củng cố và công bố các chứng cứ pháp lý khẳng định chủ quyền của VN đối với các quần đảo tranh chấp. Nếu VN là nước đưa đơn khởi kiện trước thì VN có nghĩa vụ phải gửi các chứng cứ chứng minh cho yêu sách của mình đến Văn phòng của Tòa trọng tài thường trực La Haye cũng như đến quốc gia còn lại của tranh chấp. Theo quy định của Quy tắc giải quyết tranh chấp giữa 02 bên là quốc gia có hiệu lực ngày 20/10/1992 thì các tài liệu này có thể được thể hiện bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp hoặc một ngôn ngữ phổ biến khác do các bên thỏa thuận lựa chọn.

Kèm theo các tài liệu VN cần có bản tranh luận thể hiện quan điểm của mình cũng như các quan điểm phản bác lại yêu sách của quốc gia có liên quan đã thể hiện trong quá trình diễn ra tranh chấp trước đó. Đối với từng lập luận của VN cũng như từng lập luận của quốc gia có liên quan tranh chấp VN đều phải thể hiện rõ quan điểm của mình đồng ý hay phản đối và quan trọng nhất, chứng cứ pháp lý, lập luận để bảo vệ quan điểm của mình. Các tài liệu này là một trong những cơ sở rất quan trọng để Hội đồng trọng tài ban hành quyết định giải quyết vụ tranh chấp. Chính vì vậy, VN cần có sự chuẩn bị các tài liệu này một cách chu đáo. Trong trường hợp cần thiết cần sử dụng cơ chế tư vấn của các chuyên gia để tập hợp, sắp xếp các tài liệu thành một bộ hồ sơ hoàn chỉnh.

4. Kết luận

Tóm lại, từ khi thành lập cho đến nay Tòa trọng tài thường trực La Haye đã đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì hòa bình, an ninh quốc tế cũng như góp phần quan trọng vào sự phát triển của pháp luật quốc tế. Với khoảng 115 quốc gia và vùng lãnh thổ là thành viên, Tòa trọng tài thường trực La Haye đã tham gia giải quyết nhiều vụ việc tranh chấp liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau của các quốc gia thành viên. Tuy nhiên đối với VN, Tòa trọng tài thường trực La Haye chưa phải là một cơ quan tài phán quốc tế được nhiều người biết đến như Tòa án công lý quốc tế của Liên hiệp quốc (ICJ), Tòa hình sự quốc tế (ICC), Trọng tài thương mại quốc tế, ... mặc dù VN đã là thành viên của Tòa trọng tài thường trực La Haye (VN chính thức tham gia Công ước La Haye 1899 từ 29/12/2011 và Công ước

La Haye 1907 từ 27/02/2012). Chính vì vậy, nghiên cứu, tìm hiểu các nguyên tắc tổ chức, hoạt động của các thiết chế có chức năng tài phán quốc tế đối với các tranh chấp lãnh thổ quốc gia, trong đó có Tòa trọng tài thường trực La Haye có ý nghĩa thực tiễn quan trọng. Đặc biệt, trong bối cảnh tranh chấp chủ quyền trên biển Đông ngày càng trở nên căng thẳng thì việc nghiên cứu một cơ chế giải quyết hòa bình thay cho các cuộc xung đột vũ trang càng trở nên cấp thiết. ●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Arbitration Agreement between United State of America and The Netherlands, 4th day of April, 1928. Nguồn: http://pca-cpa.org/showpage.asp?pag_id=1029.

Convention for the pacific settlement of international dispute 1899 (Công ước La Haye về giải quyết hòa bình các tranh chấp quốc tế năm 1899). Nguồn: http://pca-cpa.org/showpage.asp?pag_id=1187.

Convention for the pacific settlement of international dispute 1907 (Công ước La Haye về giải quyết hòa bình các tranh chấp quốc tế năm 1907). Nguồn: http://pca-cpa.org/showpage.asp?pag_id=1187.

Nguyễn Hồng Thao (2011), *Tòa án công lý quốc tế*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Nguyễn Quang Thắng (2008), *Hoàng Sa, Trường Sa, Lãnh thổ VN nhìn từ Công pháp quốc tế*, NXB Tri thức, Hà Nội.

Nguyễn Trường Giang (2008), *Những phát triển của luật pháp quốc tế trong thế kỷ XXI* (Sách tham khảo), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Nguyễn Đăng Thắng, "Một số suy nghĩ về những nỗ lực của Philippines sử dụng Tòa trọng tài quốc tế để giải quyết tranh chấp với Trung Quốc ở biển Đông", *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 10(282), 2011.

Office for Ocean Affairs and the Law of the Sea, United Nations, Reprinted in *the Law of the Sea – Maritime Boundary Agreements* (1985 – 1991), NewYork 1992.

Quy chế Tòa án công lý quốc tế (ICJ).